TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GR
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 95/2024/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 8 - 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GR, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Nhi**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thành Nhạn**

Bà **Cao Thị Mỹ Phượng**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Phùng Thị Loan** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa*: Bà **Nguyễn Mộng Đẹp** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2024/QĐXX-ST ngày 09 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 76/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Ngô Thị N, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp 19, xã P, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông Trịnh Minh T, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp 19, xã P, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 4 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Ngô Thị N trình bày:

- *Về hôn nhân:* Bà và Trịnh Minh Thuận tự nguyện tiến đến hôn nhân với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Giá Rai (nay là thị xã GR), tỉnh Bạc Liêu vào năm 2005. Trong cuộc sống chung thì vợ chồng thường bất đồng quan điểm nên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Do cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Thuận.

- *Về con chung:* Trong thời gian chung sống bà và ông Thuận có 01 con chung tên Trịnh Phương Thảo sinh năm 1999. Do con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Bà và ông Thuận sẽ tự thỏa thuận tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà và ông Thuận không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trịnh Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Thuận không có mặt nên Tòa án không thể lấy lời khai được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Ngô Thị N. Con chung đã trưởng thành, tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Nguyên đơn bà Ngô Thị N khởi kiện bị đơn ông Trịnh Minh T có địa chỉ tại ấp 19, xã P, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

[3] Do bà N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn ông Thuận đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt bà N, ông Thuận là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về hôn nhân*: Bà Ngô Thị N và ông Trịnh Minh T tự nguyện tiến đến hôn nhân với nhau và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Giá Rai (nay là thị xã GR), tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16 tháng 12 năm 2005 nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Bà N xác định trong cuộc sống chung vợ chồng thường bất đồng quan điểm nên xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Thuận.

[5] Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình".* Xét thấy: Mối quan hệ hôn nhân của bà N và ông Thuận không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn. Trong quá trình làm việc và tại phiên tòa hôm nay mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông Thuận không đến Tòa án. Việc ông Thuận không đến Tòa án đã thể hiện ý chí không muốn hàn gắn tình cảm với bà N. Do đó, không có điều kiện để bà N và ông Thuận hàn gắn tình cảm, khả năng đoàn tụ là không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Ngô Thị N đối với ông Trịnh Minh T.

[6] *Về con chung*: Trong quá trình chung sống bà N và ông Thuận có 01 con chung tên Trịnh Phương Thảo sinh năm 1999, do con chung đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

[7] *Về tài sản chung*: Bà N xác định bà và ông Thuận tự thỏa thuận tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] *Về nợ chung*: Bà N xác định bà và ông Thuận không có nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Xét ý kiến của Kiểm sát viên có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[10] Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 228, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Ngô Thị N. Cho bà Ngô Thị N ly hôn với ông Trịnh Minh T.

2. *Về con chung*: Con chung đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

3. *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

5. *Về án phí*: Bà Ngô Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà Ngô Thị N đã dự nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008737 ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu nên được chuyển thu toàn bộ. Ông Trịnh Minh T không phải chịu án phí.

6. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thị xã Giá Rai;
- Chi cục THADS thị xã Giá Rai;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kim Nhi